

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-9-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Châu Thị Mỹ D, sinh năm 1989.

ĐKTT: số nhà 40, ấp Bình L (ấp 6), xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 23/39/17/2 Hồ Thành B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số nhà 40, ấp Bình L (ấp 6), xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị D và anh T vắng mặt (chị D có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, văn bản trình bày ý kiến, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Châu Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre, hôn nhân là do tự nguyện. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo cho gia đình, hay đánh bạc, nhiều lần lấy tiền của vợ con và nhiều lần chị phải trả nợ cho anh T. Cha mẹ chồng không coi trọng chị, nhiều lần xúc phạm chị và gia đình chị. Chị và anh T không chung sống với nhau được 01 năm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Châu Khánh M, sinh ngày 24/5/2015, hiện do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con do khi chị yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con thì anh T buông lời nói thô lỗ, khó nghe. Anh T sẽ không được gặp con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị tự thỏa thuận về tài sản chung với anh T, chị và anh T không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa tham gia đầy đủ các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Mỹ D về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, cụ thể:

- Về hôn nhân: chị Châu Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: chị Châu Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Châu Khánh M, sinh ngày 24/5/2015 đến khi thành niên, ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị Châu Thị Mỹ D có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị D trình bày tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: chị D trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Châu Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Anh T cư trú tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị D có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị D thì giữa chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được, anh chị đã ly thân được 01 năm. Đồng thời, với yêu cầu xin ly hôn của chị D, anh T không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho chị D tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị D và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D để giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị D thì chị D và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Châu Khánh M, sinh ngày 24/5/2015, hiện đang sống với chị D.

Do anh T không có yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn, đồng thời hiện cháu M đang sống với chị D và cháu có nguyện vọng được chung sống với chị D. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Nguyễn Châu Khánh M, sinh ngày 24/5/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị D có quyền yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu M. Tuy nhiên do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình thì “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”, “cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con”. Như vậy, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị D trình bày chị tự thỏa thuận về tài sản chung với anh T, chị và anh T không có nợ chung. Đối với anh T thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị D phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Mỹ D. Chị Châu Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Châu Khánh M, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2015 cho chị Châu Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Châu Thị Mỹ D không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Châu Thị Mỹ D trình bày chị tự thỏa thuận về tài sản chung với anh Nguyễn Thanh T, chị và anh Nguyễn Thanh T không có nợ chung. Đối với anh Nguyễn Thanh T thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Châu Thị Mỹ D phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007285 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Châu B, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền